

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2017/HSST

Ngày 17/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Thảo

2. Ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền, là thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 245/2017/HSST, ngày 10/10/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn Đ**; Tên gọi khác: Ngô Quang Đ; Sinh năm: 1962, tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 9, phường E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Con ông Ngô Quang Tr (đã chết) và bà Lê Thị D, sinh năm: 1936; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D2, sinh năm 1965, hiện trú tại: Tổ dân phố 9, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Sở LĐTBXH tỉnh Đắk Lắk

Người được ủy quyền: Ông Lê Hải L - Trưởng phòng - (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn C - (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã EY, huyện KrP, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Ngô Văn Đ tham gia Quân đội từ tháng 07/1980, thuộc biên chế Đại đội 11, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 52, Sư đoàn 337, Quân khu 4 (nay thuộc Đoàn kinh tế Quốc phòng 337/Quân khu 4), đóng quân trên địa bàn huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian này, Đ cùng đơn vị tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và bị thương nhẹ, không được đơn vị cấp giấy chứng nhận bị thương. Đến tháng 3/1984, Đ được đơn vị cho xuất ngũ về xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Khi xuất ngũ Đ được cấp Quyết định xuất ngũ và đã nộp Quyết định này cho Huyện đội huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2000, Đ cùng gia đình chuyển đến sinh sống tại tổ dân phố 9, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng năm 2010, Đ được Hội cựu chiến binh phường EaTam phổ biến về việc làm hồ sơ để hưởng chế độ Thương binh đối với những người có đầy đủ giấy tờ, tài liệu chứng minh việc tham gia Quân đội và bị thương. Cũng trong thời gian này, qua tìm hiểu Đ biết được ông Ngô Văn C (là Hội viên Hội cựu chiến binh huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk), có thể làm được các loại giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc làm hồ sơ Thương binh. Đ gặp C cung cấp thông tin liên quan đến việc Đ tham gia Quân đội và nhờ C làm giúp 01 Quyết định xuất ngũ và 01 Giấy chứng nhận bị thương, để Đ làm hồ sơ đề nghị công nhận Thương binh, nhằm chiếm đoạt tiền và hưởng các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước dành cho Thương binh. Sau đó, C đưa cho Đ 01 Quyết định xuất ngũ số 06/QĐ ngày 16/3/1984, nội dung: Đồng chí Ngô Văn Đ, đơn vị khi xuất ngũ: Đại đội 11 (C11), Tiểu đoàn 6 (D1), Trung đoàn 52 (E52), Sư đoàn 337 (F337), thời gian công tác ở biên giới phía Bắc: 03 năm 08 tháng, phần người ký trong quyết định: Trung đoàn trưởng Đại úy Mai Hồng C2; 01 Giấy chứng nhận bị thương (không rõ số) ngày 10/6/1982, nội dung: Đồng chí Ngô Văn Đ bị thương khi chiến đấu, vết thương đỉnh đầu, sức ép pháo, nơi bị thương: Bình độ 400, Cao Lộc - Lạng Sơn, loại A, phần người ký trong giấy chứng nhận: Thủ trưởng Đại úy Nguyễn Công H. Sau khi có được các giấy tờ trên, Đ bổ sung thêm một số tài liệu khác làm hồ sơ trình Cơ quan chức năng xin cấp chứng nhận Thương binh. Ngày 24/4/2013, Đ được Hội đồng y khoa Quân khu 5 - Bộ Quốc Phòng, giám định với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là: 35%. Tháng 5/2013, Đ được cấp giấy chứng nhận Thương binh loại A, hạng 4/4 và được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, chi trả tiền ưu đãi, tiền chính sách hàng tháng. Tổng số tiền Đ đã nhận của Nhà nước (từ tháng 5/2013 đến tháng 02/2015), là: 35.034.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Tại Công văn trả lời ủy thác điều tra, số: 11 ngày 13/01/2015, của Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 4 và Công văn xác minh hồ sơ lưu trữ, số: 1664/CV-ĐKT ngày 26/12/2016, của Đoàn kinh tế Quốc phòng 337, khẳng định: Sổ lưu danh sách quân nhân bị thương của Sư đoàn 337, Quân khu 4 trong chiến đấu bảo vệ phía Bắc, không thấy tên của quân nhân Ngô Văn Đ. Thời Đ năm 1980 - 1981, đồng chí Đại úy Nguyễn Công H là Trung đoàn phó. Đến tháng 9/1981, đi học bổ túc Học viện chính trị, sau thời Đ đi học đơn vị không rõ đồng chí Nguyễn Công H công tác tại đơn vị nào.

Ngày 18/7/2017, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, trung cầu giám định đối với giấy chứng nhận bị thương (không rõ số), ngày 10/6/1982 của Trung đoàn 52, Sư đoàn 337, mang tên Ngô Văn Đ. Tại bản kết luận giám định số 448/PC45 ngày 27/7/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Nội dung trong tài liệu cần giám định (giấy chứng nhận bị thương, ngày 10/6/1982 của Trung đoàn 52, Sư đoàn 337, mang tên Ngô Văn Đ), bị tẩy xóa sửa chữa;

- Nội dung nguyên thủy của tài liệu cần giám định là: Giấy chứng nhận bị thương số 61, cấp cho đồng chí Lưu Công B, sinh năm 1955.

Quá trình điều tra, Ngô Văn Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền 35.034.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng), là tiền Đ đã chiếm đoạt của Nhà nước để khắc phục hậu quả. Trong đó, giao nộp cho Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 5 - Bộ Quốc Phòng, số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), giao nộp cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, số tiền: 20.034.000 đồng (hai mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng), giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy chứng nhận bị thương (không rõ số), ngày 10/6/1982 mang tên Ngô Văn Đ, 01 Giấy chứng nhận Thương binh số 108841/AQ-K5, 01 sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng và 01 sổ ưu đãi Giáo dục - Đào tạo mang tên Ngô Quang D (là con ruột của Đ), đều do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, cấp cho Ngô Văn Đ. Người đại diện theo pháp luật của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu Ngô Văn Đ phải tiếp tục bồi thường số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, để nộp Ngân sách Nhà nước (đã khấu trừ số tiền: 20.034.000 đồng, Đ tự nguyện giao nộp cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk) và cung cấp cho Cơ quan điều tra: 01 bộ hồ sơ thương binh của Ngô Văn Đ để phục vụ công tác điều tra.

Ngoài ra, trong quá trình làm hồ sơ Thương binh giả, Đ còn nhờ C làm cho ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1963, trú tại: Tổ dân phố 3, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột), 01 Quyết định xuất ngũ giả và 01 giấy chứng nhận bị

thương giả. M đã sử dụng các loại giấy tờ giả trên làm hồ sơ Thương binh để chiếm đoạt tiền và hưởng các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước dành cho Thương binh.

Tại bản cáo trạng số: 259/KSĐT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Ngô Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn Đ khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng, không oan.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi bản chất của vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột vẫn giữ nguyên cáo trạng số 259/KSĐT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2017 và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Điều x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Đề nghị xử phạt: Ngô Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 137, Điều 584 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc bị cáo Ngô Văn Đ đã trả lại cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, số tiền: 20.034.000.

- Tịch thu số tiền: 15.000.000 đồng, của bị cáo Ngô Văn Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, để trả cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, nộp Ngân sách Nhà nước;

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận bị thương (không rõ số) ngày 10/6/1982 (bản gốc, đã bị tẩy xóa), mang tên Ngô Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận Thương binh, số 108841/AQ-K5; 01 sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng và 01 sổ ưu đãi Giáo dục - Đào tạo mang tên Ngô Quang D, do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, cấp cho bị cáo Ngô Văn Đ, để đảm bảo công tác xét xử.

- Áp dụng Khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Ngô Văn Đ một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn Đ thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: từ năm 2010 bị cáo làm chứng nhận thương binh giả đến tháng 5/2013, bị cáo được cấp giấy chứng nhận Thương binh loại A, hạng 4/4 và được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, chi trả tiền ưu đãi, tiền chính sách hàng tháng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Nhà nước (từ tháng 5/2013 đến tháng 02/2015), là: 35.034.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Ngô Văn Đ đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của nhà nước, đồng thời hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an cho xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của nhà nước là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của cán bộ các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ thương binh, bị cáo đã dùng các thủ đoạn gian dối để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận thương binh loại A, hạng 4/4, mặc dù mình không phải là thương binh để tiến hành lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhà nước tiêu sài cá nhân. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được, do đó bị cáo bị xét xử ở Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt C tọng không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, bị cáo đã khắc

phục toàn bộ hậu quả hoàn trả hết số tiền đã nhận, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Như vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về áp dụng hướng có lợi cho bị cáo:

Theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Luật (số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017) sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có cha là người có công với cách mạng được Thủ tướng Chính Phủ tặng Bằng khen, do đó cần áp dụng điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo, giáo dục cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 137, Điều 584 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc bị cáo Ngô Văn Đ đã trả lại cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, số tiền: 20.034.000 đồng.

- Tịch thu số tiền: 15.000.000 đồng, của bị cáo Ngô Văn Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, để trả cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, nộp Ngân sách Nhà nước.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận bị thương (không rõ số) ngày 10/6/1982 (bản gốc, đã bị tẩy xóa), mang tên Ngô Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận Thương binh, số 108841/AQ-K5; 01 sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng và 01 sổ ưu đãi Giáo dục - Đào tạo mang tên Ngô Quang Dưỡng, do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, cấp cho bị cáo Ngô Văn Đ, để đảm bảo công tác xét xử.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Ngô Văn Đ khai đã xin giấy tờ giả của C, nhưng quá trình điều tra, không đủ căn cứ để xử lý C về hành vi làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức.

Đối với: 01 Quyết định xuất ngũ giả, số 06/QĐ ngày 16/3/1984 (bản gốc), mang tên Ngô Văn Đ, hiện Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 5 đang lưu giữ.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn M là người đã sử dụng các loại giấy tờ giả do bị cáo Ngô Văn Đ xin của C, để làm hồ sơ Thương binh chiếm đoạt tiền của Nhà nước, hiện Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, đã khởi tố Nguyễn Văn M và đang xử lý tại 01 vụ án khác. Do vậy, không đề cập xử lý trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Ngô Văn Đ **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 137, Điều 584 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc bị cáo Ngô Văn Đ đã trả lại cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, số tiền: 20.034.000 đồng (hai mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

- Tịch thu số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), của bị cáo Ngô Văn Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, để trả cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, nộp Ngân sách Nhà nước (theo ủy nhiệm chi ngày 9/10/2017).

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận bị thương (không rõ số) ngày 10/6/1982 (bản gốc, đã bị tẩy xóa), mang tên Ngô Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận Thương binh, số 108841/AQ-K5; 01 sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng và 01 sổ ưu đãi Giáo dục - Đào tạo mang tên Ngô Quang D, do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, cấp cho bị cáo Ngô Văn Đ.

2. *Về án phí:* Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên